

Số: 04/2024/QĐST-DS

Tam Điệp, ngày 13 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2, khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 05 tháng 8 năm 2024, về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự thụ lý số: 05/2024/TLST-DS ngày 13 tháng 6 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện, nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại cổ phần V.

Địa chỉ: số H L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: ông Ngô Chí D – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị; người đại diện theo ủy quyền: ông Đỗ Hoàng L – chức vụ: Giám đốc Trung tâm thu hồi nợ khách hàng doanh nghiệp và xử lý nợ pháp lý.

Người đại diện theo ủy quyền lại: ông Hà Xuân S; ông Nguyễn Tiến A; ông Nguyễn Tiến T; ông Hà Thanh L1.

- **Bị đơn:** ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1979; địa chỉ: Tổ A, phường N, thành phố T, tỉnh Ninh Bình.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** bà Phạm Thị L2; địa chỉ: số A, đường L, tổ H, phường Đ, thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Các bên thống nhất tính đến ngày 05/8/2024, ông Nguyễn Văn N còn nợ Ngân hàng TMCP V tổng số tiền là 12.799.379.741đ; số tiền bằng chữ: mười hai tỷ, bảy trăm chín mươi chín triệu, ba trăm bảy mươi chín nghìn, bảy trăm bốn

mười một đồng (trong đó: tiền gốc: 10.049.941.262đ; tiền lãi trong hạn 255.668.173đ; tiền lãi quá hạn 2.301.681.964đ và tiền lãi chậm trả lãi 192.088.342đ) đối với hai hợp đồng.

- Hợp đồng cho vay số LN2211257572981 ngày vay 08/12/2022, số tiền tính đến ngày 05/8/2024 tổng là 12.319.271.139 đồng (trong đó: tiền gốc: 9.750.000.000đ tiền lãi trong hạn 93.152.735đ; tiền lãi quá hạn 2.284.030.062đ và tiền lãi chậm trả lãi 192.088.342đ)

- Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn, Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 16/12/2022, số tiền tính đến ngày 05/8/2024 tổng là 480.108.602 đồng (trong đó: tiền gốc 299.941.262đ; tiền lãi trong hạn 162.515.438đ và tiền lãi quá hạn: 17.651.902đ)

Sau khi thỏa thuận hai bên thống nhất ông Nguyễn Văn N còn nợ Ngân hàng số tiền 12.500.000.000đ (mười hai tỷ, năm trăm triệu đồng)

2.2. Về phương thức thanh toán: Ngân hàng TMCP V và ông Nguyễn Văn N thỏa thuận: ông Nguyễn Văn N có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền là 12.500.000.000đ (mười hai tỷ, năm trăm triệu đồng) được chia cụ thể như sau:

- Kỳ 1: Ngày 20/8/2024 ông Nguyễn Văn N có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng);

- Kỳ 2: Ngày 15/9/2024 ông Nguyễn Văn N có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng số tiền 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng);

- Kỳ 3: Ngày 10/10/2024 ông Nguyễn Văn N có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng số tiền 9.500.000.000 đồng (chín tỷ, năm trăm triệu đồng).

Kể từ ngày 06/8/2024 cho đến khi phải thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay số LN2211257572981 ngày 08/12/2022 và Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn, Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 16/12/2022, nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

2.3. Trường hợp ông Nguyễn Văn N không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo các kỳ đã thỏa thuận nêu trên thì Ngân hàng được quyền yêu cầu thi hành án xử lý tài sản tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 3205868, số công chứng 37, quyền số 01/2023/TP-CC-SCC/HĐGD ngày 09/01/2023 tại Văn phòng C giữa ông Nguyễn Văn N và Ngân hàng TMCP V (V1), trong đó tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 257, tờ bản đồ số 23, tại địa chỉ: đường L, phố H, phường Đ, thành phố N, tỉnh Ninh Bình theo “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” số DH 217918, Sổ vào sổ cấp GCN: CS

01042 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh N cấp ngày 06/01/2023 mang tên Nguyễn Văn N.

2.4. Về giấy tờ: Ngân hàng TMCP V tiếp tục quản lý giấy tờ liên quan đến tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DH 217918, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh N cấp ngày 06/01/2023 mang tên Nguyễn Văn N và phải trả lại giấy tờ cho ông Nguyễn Văn N khi ông Nguyễn Văn N thanh toán xong các khoản nợ.

- Trường hợp tài sản thế chấp không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ trên, thì ông Nguyễn Văn N có nghĩa vụ trả nợ đến khi thanh toán hết khoản nợ.

- Trường hợp ông Nguyễn Văn N thanh toán đầy đủ số nợ trên thì Ngân hàng TMCP V trả lại giấy tờ liên quan đến tài sản thế chấp cho ông Nguyễn Văn N.

2.5. Về án phí Dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Văn N phải chịu 60.250.000đ (sáu mươi triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng).

- Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP V số tiền 60.235.000đ (sáu mươi triệu, hai trăm ba mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000443 ngày 13/6/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

2.6. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Ngân hàng TMCP V phải chịu theo đơn yêu cầu và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Tam Điệp;
- Tòa án tỉnh Ninh Bình;
- Chi cục THADS TP. Tam Điệp;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, VP.

THẨM PHÁN

Đã ký

Phan Ngọc Hà